

**THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2006 – 2012**

LÊ HÙNG CƯỜNG*

TÓM TẮT

Bài viết khái quát kết quả khảo sát thực trạng hoạt động quản lý đào tạo hình thức vừa làm vừa học (VLVH) của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) giai đoạn 2006 – 2012, với các nội dung: công tác tuyển sinh; nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên (SV).

Từ khóa: hoạt động quản lý đào tạo hình thức vừa làm vừa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

The current situation of management activities in part-time education and training at Ho Chi Minh City University of Education in the period between 2006 and 2012

The paper briefly summarizes the results of researching the current situation of management activities in part-time education and training at Ho Chi Minh City University Of Education in the period between 2006 and 2012. The research's content included the entrance examination, the syllabus of the training programs, the innovation of teaching methods and using modern teaching aids, and the assessment and evaluation of part-time students' learning results.

Keywords: management activities in part-time education and training, Ho Chi Minh City University of Education.

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 02-11-2005: “*Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích*

ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [5], từ nhiều năm qua, ngoài hình thức đào tạo chính quy, Trường ĐHSPTPHCM luôn chú trọng đến hình thức đào tạo VLVH (chuyên tu, tại chức cũ) nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội và nâng cao trình độ giáo viên trong và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức đào tạo VLVH trong những năm qua đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực cho ngành giáo dục nói riêng và xã hội nói chung: “*Mục tiêu chương trình là nghiên cứu và thực hiện đổi mới phương thức đào tạo, mục*

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, cách thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam” [9]. Khảo sát thực trạng hoạt động đào tạo đại học hình thức VLVH tại Trường ĐHSPTPHCM trong thời gian qua là nhằm xác định cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu hệ thống biện pháp phát triển đào tạo hình thức VLVH hiện tại và tương lai.

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu và cách thức xử lý số liệu khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng hoạt động đào tạo hình thức VLVH ở Trường ĐHSPTPHCM, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi kết hợp với các phương pháp quan sát, phỏng vấn, trao đổi, tọa đàm, xin ý kiến chuyên gia. Đối tượng khảo sát gồm 159 cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy có liên quan đến việc quản lý đào tạo hình thức VLVH và 435 SV tham gia học tập hình thức đào tạo VLVH.

Sinh viên	Tần số	Phần trăm
Giới tính		
Nam	83	19,1
Nữ	352	80,9
Ngành học		
Sư phạm Khoa học tự nhiên	81	18,6
Sư phạm khoa học xã hội	60	13,8
Sư phạm Ngoại ngữ	85	19,5
Sư phạm Đặc thù	135	31,0
Ngành khác ngoài sư phạm	74	17,0
Cộng	435	100,0

Giảng viên và cán bộ quản lý	Tần số	Phần trăm
Giới tính		
Nam	85	53,5
Nữ	74	46,5
Học vị		
Cử nhân, kỹ sư	50	31,4
Thạc sĩ	72	45,3
Tiến sĩ	37	23,3

Ngạch		
Giảng viên (GV)	110	69,2
Cán bộ quản lý (CBQL)	49	30,8
Thâm niên		
Từ 01 - 05 năm	48	30,2
Từ 06 - 10 năm	40	25,2
Từ 11 - 15 năm	28	17,6
Từ 16 - 20 năm	8	5,0
Trên 20 năm	35	22,2
Cộng	159	100,0

Để xử lý, đánh giá các nội dung khảo sát trong phiếu điều tra, chúng tôi sử dụng thang định khoảng: 4 khoảng tương ứng với 4 mức độ và cho điểm theo thang điểm từ 1-4:

- Rất tốt (T): Tương ứng với mức 4: Điểm 4;
- Khá (K): Tương ứng với mức 3: Điểm 3;
- Trung bình (TB): Tương ứng với mức 2: Điểm 2;
- Yếu kém (Y): Tương ứng với mức 1: Điểm 1.

Điểm trung bình (ĐTB) được quy định theo biên liên tục như sau:

- ĐTB từ 1,0 - < 1,5: Không thực

hiện/ Yếu;

- ĐTB từ 1,5 - < 2,5: Ít thường xuyên/ Trung bình;

- ĐTB từ 2,5 - < 3,5: Thường xuyên/ Khá;

- ĐTB từ 3,5 - 4,0: Rất thường xuyên/ Tốt.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Về công tác tuyển sinh

Để khảo sát thực trạng công tác tuyển sinh hình thức VLVH tại trường, chúng tôi đưa ra 5 nội dung cơ bản về quản lý công tác tuyển sinh và tiến hành khảo sát trên 2 nhóm đối tượng: CBQL và GV, SV đang theo học. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Kết quả khảo sát về công tác tuyển sinh

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Dự báo nhu cầu đào tạo, tổ chức chiêu sinh	3,20	0,4	3	3,10	0,4	2
2	Tổ chức ôn tập kiến thức tuyển sinh	3,40	0,9	1	3,15	0,3	1
3	Thực hiện công tác tuyển sinh	3,20	0,4	3	3,05	0,7	5

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
	đúng quy chế, rõ ràng minh bạch						
4	Thực hiện tuyển chọn đầu vào	3,10	0,3	4	3,07	1,0	4
5	Độ tin cậy trong tuyển sinh	3,15	0,8	2	3,00	0,5	3

Bảng 1 cho thấy CBQL, GV và SV đánh giá về mức độ, kết quả thực hiện công tác tuyển sinh hình thức VLVH của trường thường xuyên và khá tốt, thể hiện ở ĐTB mức thường xuyên từ 3,00 – 3,40 và mức hiệu quả từ 3,01 – 3,15; cụ thể: dự báo nhu cầu đào tạo, tổ chức chiêu sinh (ĐTB=3,20 và 3,10); tổ chức ôn tập kiến thức tuyển sinh (ĐTB=3,40 và 3,15); thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy chế, rõ ràng minh bạch (ĐTB=3,20 và 3,05); thực hiện tuyển chọn đầu vào (ĐTB=3,10 và 3,07); độ tin cậy trong tuyển sinh (ĐTB=3,15 và 3,00).

Như vậy, đa số CBQL, GV và SV đều đánh giá thống nhất về công tác tuyển sinh: 100% đối tượng khảo sát cho rằng công tác dự báo nhu cầu đào tạo và tổ chức chiêu sinh có kế hoạch rõ ràng và cụ thể, công tác tổ chức ôn tập kiến thức cho thí sinh thi tuyển đầu vào cũng được thực hiện nghiêm túc và có chất lượng; thực hiện quy trình tuyển sinh đúng theo

quy chế tuyển sinh, tạo môi trường cạnh tranh công bằng trong mỗi thí sinh. Việc thực hiện chặt chẽ và đúng quy chế những công tác nêu trên đã tạo tiền đề cho việc nâng cao độ tin cậy, tính công bằng trong tuyển sinh hình thức VLVH của trường và được những người tham gia khảo sát đánh giá tốt.

2.2.2. Về nội dung chương trình đào tạo

Nội dung chương trình đào tạo quyết định chất lượng và kết quả đào tạo. Chương trình phải mang tính bao quát và gắn liền với thực tế nhằm đáp ứng cho người học có kiến thức toàn diện về ngành được đào tạo, đồng thời phải sát với thực tế xã hội nhằm trang bị cho học viên kiến thức và là công cụ hữu ích khi tham gia công tác. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã khảo sát các đối tượng về nội dung chương trình đào tạo của Trường đối với tất cả các ngành có đào tạo hình thức VLVH. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Kết quả khảo sát về nội dung, chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Kế hoạch đào tạo theo từng học kì, đến toàn khóa học	3,15	1,0	2	3,00	0,9	4
2	Nội dung chương trình bám sát mục tiêu đào tạo	3,08	1,0	3	3,07	0,9	2
3	Hoạt động dạy học bảo đảm nội dung, thời lượng và đúng yêu cầu	2,80	1,0	5	2,70	0,6	5
4	Đảm bảo truyền đạt được nội dung tri thức, kĩ năng, của chương trình đào tạo	2,95	0,9	4	3,01	0,9	3
5	Nội dung chương trình bám sát được chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	3,20	0,9	1	3,25	0,7	1

Bảng 2 cho thấy CBQL, GV và SV đánh giá về nội dung chương trình đào tạo của Trường khá tốt và phù hợp với từng chuyên ngành, bám sát chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và mục tiêu đào tạo của từng ngành. Việc truyền đạt tốt nội dung kiến thức môn học và kĩ năng thực tế sẽ giúp SV thực hiện tốt nhiệm vụ khi ra trường. ĐTB của kết quả thực hiện đạt từ 2,70 đến 3,25 cho thấy CBQL, GV và SV nhận định việc thực hiện nội dung, chương trình đào tạo đối với hình thức VLVH là khá tốt.

2.2.3. Về đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học

Phương pháp dạy học (PPDH) đóng vai trò rất quan trọng trong việc chuyển tải nội dung giữa người dạy và người học, trong đó phương tiện dạy học (PTDH) là công cụ hỗ trợ cho quá trình chuyển tải và tiếp nhận tri thức mà công nghệ thông tin giữ vai trò quan trọng trong tiến trình này. Kết quả khảo sát “Việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học” được thể hiện ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Kết quả khảo sát việc đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Hình thức tổ chức dạy học phù hợp	3,07	1,0	2	3,02	0,9	1
2	Đổi mới phương pháp dạy học	2,55	1,1	5	2,70	1,2	5
3	Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV	3,18	1,0	1	3,01	1,1	2
4	Sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong dạy học, phòng thí nghiệm, tài liệu học tập...	2,56	0,9	4	2,92	0,3	4
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2,92	0,7	3	2,98	1,1	3

Bảng 3 cho thấy hầu hết CBQL, GV và SV đánh giá việc đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện hiện đại trong dạy học chiếm một vị trí quan trọng được thực hiện một cách thường xuyên, ở mức độ tốt và rất tốt.

Như vậy, phương pháp dạy học tích cực, hiện đại kết hợp với các phương pháp dạy học truyền thống, phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV được cán bộ GV thực hiện rất tốt. Nội dung này được đánh giá từ “khá tốt” đến “rất tốt”.

Trong thời kỳ công nghệ phát triển thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy, giúp người học có thêm nhiều kênh khác nhau nhanh chóng tiếp cận tri thức, tiếp cận khoa học

công nghệ áp dụng vào thực tế giảng dạy sau này đã được khẳng định. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy hình thức VLVH thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy và vận dụng khá tốt phương tiện hỗ trợ này, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.

Tuy vậy, hình thức VLVH vẫn còn nhiều hạn chế về các phương tiện hiện đại, phòng thí nghiệm, thư viện điện tử, giáo trình... nhất là đối với các lớp đặt tại địa phương, vùng sâu vùng xa...

2.2.4. Về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Để đánh giá kết quả đào tạo hình thức VLVH thì phải xem xét nhiều tiêu chí khác nhau; trong đó, tiêu chí đánh giá

kết quả thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng. Điều đó thể hiện lượng kiến thức mà GV truyền đạt cho SV và lượng kiến thức mà

SV tiếp thu. Kết quả khảo sát việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV thể hiện ở bảng 4 dưới đây:

Bảng 4. Kết quả khảo sát thực trạng việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng	ĐTB	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, cho điểm theo quy định	2,74	0,9	3	3,07	1,0	3
2	Kiểm tra kết thúc học phần, thi tốt nghiệp theo đúng kế hoạch. Tổ chức chấm và trả bài đúng thời hạn	3,13	0,3	1	3,08	1,0	2
3	Nội dung kiểm tra bám sát chương trình và mục tiêu đào tạo theo hướng phát triển năng lực tư duy của SV	2,88	0,3	2	3,18	1,0	1
4	Đề thi có đáp án, thang điểm chi tiết và chấm bài đúng tiêu chí và thang điểm	2,65	1,4	5	2,56	0,9	5
5	Làm phách, lên điểm thi và kiểm tra, lưu trữ điểm theo đúng quy định của Bộ	2,70	1,2	4	2,92	0,9	4

Bảng 4 cho thấy CBQL, GV và SV đánh giá hoạt động “Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV” tốt và rất tốt. Nói cách khác, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được đánh giá ở mức khá tốt ở hầu hết các tiêu chí được khảo sát. Tuy nhiên trong thực tế còn có tình trạng GV “chấm, trả bài thi chưa đúng thời hạn”, đề thi kiểm tra giữa kì và đề thi kiểm tra kết thúc học phần còn “thiếu đáp án và thang điểm chi tiết” đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý đào tạo, nhất là việc làm phách, lên điểm và công

bổ kết quả.

3. Kết luận và ý kiến đề xuất

3.1. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động đào tạo hình thức VLVH ở Trường ĐHSPTPHCM cho thấy Trường đã và đang thực hiện hoạt động đào tạo này một cách hiệu quả, hợp lí và chặt chẽ theo đúng các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong những năm qua, Trường đã cung cấp và bổ sung kiến thức cho hàng chục ngàn GV và CBQL bằng hình thức đào tạo VLVH, cung cấp

cho ngành giáo dục và xã hội một lực lượng lao động chất lượng cao, đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nhân cách.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng kì vọng của xã hội và nhu cầu học tập của SV. Những hạn chế trong hoạt động quản lí đào tạo hình thức VLVH của Trường ĐHSP TPHCM do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân cơ bản là CSVC còn thiếu và lạc hậu, địa bàn hoạt động rộng gây nhiều khó khăn trong công tác quản lí cũng như giảng dạy, nhất là các lớp đặt tại địa phương. Đội ngũ GV có lúc quá tải công việc dẫn đến thực tế chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của người học. Bên cạnh đó, vấn đề kinh phí đầu tư cho hình thức đào tạo VLVH cũng cần có sự cải tiến để hoàn thiện hơn.

3.2. Ý kiến đề xuất

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

- *Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:*

Cần tạo điều kiện cho các trường chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhiều hơn nữa trong lĩnh vực đào tạo

hình thức VLVH bằng các văn bản cụ thể, phù hợp thực tiễn hơn.

- *Đối với Trường ĐHSP TPHCM:*

Cần nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ CBQL và GV đối với hình thức đào tạo VLVH, cử những GV giàu kinh nghiệm, nhiệt tình tham gia giảng dạy các lớp đặt tại địa phương. Đối với các lớp này, đội ngũ GV ngoài nhiệm vụ dạy học, còn là người tham gia quản lí, thực hiện công tác đối ngoại của Trường.

Cần có những phương tiện hỗ trợ SV về tài liệu tham khảo, nhất là những môn nghiệp vụ chuyên ngành.

Cần có chính sách ưu đãi hợp lí, phụ cấp thỏa đáng cho cán bộ GV tham gia giảng dạy và quản lí lớp, nhằm tái sản xuất sức lao động một cách hiệu quả.

- *Đối với địa phương:*

Cần chọn, cử những CBQL có kinh nghiệm, nhiệt tình, có uy tín ở địa phương tham gia quản lí lớp học; đôn đốc nhắc nhở SV thực hiện quy chế, nội quy học tập.

Phối hợp chặt chẽ với Trường ĐHSP TPHCM trong việc đảm bảo cũng như hỗ trợ GV trong quá trình giảng dạy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26-6-2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28-6-2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 62/2008/QĐ-GDDT ngày 25-11-2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 15/2011/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 62/2008/QĐ-GDDT ngày 25-11-2008 của Bộ*

- trường Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.*
5. Chính phủ (2005), *Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ban hành ngày 02-11-2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, Hà Nội.
 6. Chính phủ (2010), *Điều lệ trường đại học*, ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22-09-2010 của Thủ tướng Chính phủ.
 7. Học viện Quản lý Giáo dục (2011), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý, công chức nhà nước về giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
 8. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2007), *Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Sư phạm trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*.
 9. http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=6992%3Anh-hng-phat-trin-ca-trng-i-hc-s-phm-trng-im-tph-chi-minh&catid=2518%3Afrontpage&lang=vi&site=0

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 03-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 18-4-2013;
ngày chấp nhận đăng: 17-7-2013)

TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN...

(Tiếp theo trang 85)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daniel Goleman (2007), *Trí tuệ cảm xúc*, Nxb Lao động - Xã hội.
2. Trần Thị Thu Mai (chủ nhiệm đề tài) (2013), *Khảo sát trí tuệ cảm xúc của SV trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, mã số: CS.2012.19.47.
3. Trần Thị Thu Mai, Lê Thị Ngọc Thương (2012), “Khả năng kiểm soát cảm xúc của học sinh ở một số trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 39 (73), tr.14-21.
4. Dương Thị Hoàng Yến (2008), “Về mô hình trí tuệ cảm xúc thuần năng lực tâm thần của J.Mayer và P. Salovey – một đóng góp quan trọng đầu tiên về quan điểm EI là một dạng trí tuệ mới”, *Tạp chí Tâm lý học*, 4 (109).
5. Robert J. Sternberg (1999), *Cognitive Psychology*, Harcourt Brace College Publishers.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-5-2013; ngày phản biện đánh giá: 03-6-2013;
ngày chấp nhận đăng: 03-6-2013)